TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2024/DS-ST
Ngày: 18/7/2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2/ Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thụ lý số: 82/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2024/HPT- DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: X Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông K - Giấy ủy quyền số: 3503/2024/UQ-TGD- ngày 02/5/2024 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà A, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: X Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S), các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 16/06/2022 Bà A có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,77%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 169.001.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà A phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 129.950.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/03/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 51.526.219 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 18/07/2024, bà A còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

• Nợ gốc : 51.526.219 đồng

• Lãi quá hạn : 34.989.151 đồng

• Tổng cộng : 86.515.370 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm bảy mươi đồng)

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 51.526.219 đồng với lãi suất quá hạn là 4.149%/ tháng (2.77%* 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng S đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà A, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng S đề nghị Quý Tòa giải quyết:

- Buộc bà A phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/07/2024 là: 86.515.370 đồng (Tám mươi sáu triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm bảy mươi đồng) trong đó: Nợ gốc: 51.526.219 đồng; lãi quá hạn : 34.989.151 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/07/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng S.

Bị đơn bà A đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa hòa giải, vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc Ngân hàng TMCP S cho bà A mở thẻ tín dụng để tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng S có giấy ủy quyền cho ông K đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của ông K; tại phiên tòa ngày hôm nay, ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Theo xác minh của Công an Phường 15, Quận 10 (Do nguyên đơn cung cấp cho Tòa) thì bà A, sinh năm 1991 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: X Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện đang ở

đâu địa phương rõ. Vì vậy theo quy định pháp luật bà A, sinh năm 1991 có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng là tại: X Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo qui định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án xét xử: Buộc bà A phải trả ngay cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/07/2024 là: 86.515.370 đồng (Tám mươi sáu triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm bảy mươi đồng) trong đó: Nợ gốc: 51.526.219 đồng; lãi quá hạn : 34.989.151 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/07/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP S; là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 , Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1,5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà A phải thanh toán ngay, dứt điểm cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn thiếu nợ tính đến ngày 18/07/2024 là: 86.515.370 (Tám mươi sáu triệu, năm trăm mười lăm nghìn, ba trăm bảy mươi) đồng trong đó bao gồm: Nợ gốc: 51.526.219 đồng; lãi quá hạn: 34.989.151 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/07/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP S.

Án phí dân sự sơ thẩm: 4.325.768 (Bốn triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm sáu mươi tám) đồng, bà A chịu.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 1.794.108 (Một triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, một trăm lẻ tám) đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, theo biên lai thu số AA/2023/0002205 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Tuấn